

CAM KẾT CPTPP VÀ NGÀNH PHÂN PHỐI – THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ – LOGISTICS VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu Trang
Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam





Nội dung



Ngành phân phối – thương mại điện tử - logistics?



Cam kết CPTPP liên quan



Triển vọng thị trường và ngành trong bối cảnh CPTPP



Ngành phân phối – thương mại điện tử - logistics trong đàm phán CPTPP

Dịch vụ phân phối?

WTO Hệ thống CPC

- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621, 6111, 6113, 6121)
- Dịch vụ bán buôn (CPC 622, 6111, 6113, 6121)
- Dịch vụ bán lẻ (CPC 631 + 632, 6112, 6113, 6121)
- Dịch vụ nhượng quyền thương mại (CPC 8929)



CPTPP Hệ thống CPC, ISIC

- Như WTO
- Chợ truyền thống, sàn giao dịch hàng hóa
- Khác



Dịch vụ logistics?

Không có ngành, phân ngành dịch vụ nào có tên là LOGISTICS cả

WTO, CPTPP và các FTA không có cam kết nào về dịch vụ LOGISTICS



Các dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải

Các dịch vụ hỗ trợ bán buôn, hỗ trợ bán lẻ

Các dịch vụ vận tải (biển, nội thủy, sắt, bộ, hàng không, đa phương thức)

Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật

Pháp luật VN (Nghị định 163/2017/NĐ-CP quy định về kinh doanh dịch vụ logistics) không có định nghĩa về dịch vụ LOGISTICS nhưng có liệt kê 17 dịch vụ cụ thể thuộc nhóm dịch vụ LOGISTICS

Thương mại điện tử?



Theo WTO, FTAs: Không phải là một ngành/phân ngành dịch vụ

Theo Nghị định 09/2018/NĐ-CP

“Dịch vụ thương mại điện tử là hoạt động thương mại theo đó bên cung cấp dịch vụ thương mại điện tử thiết lập website thương mại điện tử để cung cấp môi trường cho thương nhân, tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ”



Là một phương thức hoạt động thương mại trên nền tảng công nghệ kỹ thuật số và mạng internet

Giao dịch hàng hóa

Giao dịch dịch vụ

Cam kết CPTPP trong lĩnh vực phân phối – thương mại điện tử - logistics



CPTPP trong tiến trình hội nhập qua các FTA của Việt Nam

STT	FTA	Thời gian	Đối tác
FTA đã có hiệu lực			
1	AFTA	Có hiệu lực từ 1993	ASEAN
2	ACFTA	Có hiệu lực từ 2003	ASEAN, Trung Quốc
3	AKFTA	Có hiệu lực từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc
4	AJCEP	Có hiệu lực từ 2008	ASEAN, Nhật Bản
5	VJEPA	Có hiệu lực từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản
6	AIFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Ấn Độ
7	AANZFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Úc, New Zealand
8	VCFTA	Có hiệu lực từ 2014	Việt Nam, Chi Lê
9	VKFTA	Có hiệu lực từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc
10	VN – EAEU FTA	Có hiệu lực từ 2016	Việt Nam, Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan
11	CPTPP	Có hiệu lực từ 2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chi-lê, New Zealand, Australia, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia
12	AHKFTA	Có hiệu lực từ 2019	ASEAN, Hồng Kông (Trung Quốc)
FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực			
13	EVFTA	Ký ngày 30/6/2019	Việt Nam, Liên minh châu Âu (28 thành viên)
FTA đang đàm phán			
14	RCEP	Khởi động đàm phán tháng 3/2013	ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, New Zealand
15	Vietnam – EFTA FTA	Khởi động đàm phán tháng 5/2012	Việt Nam, Khối EFTA (Thụy Sĩ, Na-uy, Iceland, Liechtenstein)
16	Vietnam – Israel FTA	Khởi động đàm phán tháng 12/2015	Việt Nam, Israel

Cấu trúc CPTPP

- 00 Lời mở đầu
- 01 Các điều khoản và định nghĩa chung
- 02 Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường
- 03 Quy tắc xuất xứ
- 04 Dệt may
- 05 Hải quan
- 06 Phòng vệ Thương mại
- 07 Vệ sinh dịch tễ
- 08 Rào cản kỹ thuật đối với thương mại
- 09 Đầu tư**
- 10 Dịch vụ Xuyên biên giới**
- 11 Dịch vụ tài chính
- 12 Nhập cảnh tạm thời**
- 13 Viễn thông
- 14 Thương mại điện tử**
- 15 Mua sắm chính phủ

- 16 Chính sách cạnh tranh
- 17 Doanh nghiệp nhà nước
- 18 Sở hữu trí tuệ
- 19 Lao động
- 20 Môi trường
- 21 Hợp tác và Nâng cao năng lực
- 22 Cạnh tranh và Thuận lợi hóa kinh doanh
- 23 Phát triển
- 24 DN vừa và nhỏ
- 25 Hòa hòa pháp luật
- 26 Minh bạch hóa và chống tham nhũng
- 27 Hành chính và thể chế
- 28 Giải quyết tranh chấp
- 29 Các ngoại lệ và điều khoản chung
- 30 Các điều khoản cuối cùng
- Và các **Phụ lục**, Thư song phương



Cách thức đàm phán về dịch vụ

Phương thức cung cấp dịch vụ được mở cửa



Đầu tư

- Tương đương Phương thức 3 – Hiện diện thương mại trong WTO
- Văn phòng đại diện
 - Chi nhánh
 - Doanh nghiệp liên doanh (với phía Việt Nam)
 - Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài

Dịch vụ xuyên biên giới

- Tương đương phương thức 1, 2, 4 trong WTO
- Phương thức 1 - Cung cấp qua biên giới
 - Phương thức 2 - Tiêu dùng ở nước ngoài
 - Phương thức 4 - Di chuyển thể nhân

Cách thức đàm phán về dịch vụ (tiếp)



Lĩnh vực được mở cửa

Nguyên tắc: Chọn – bỏ

Nội dung



Bước 2

Bước 1: Một danh mục các nguyên tắc mở cửa cơ bản (nghĩa vụ nền)

Khả năng 1:

“Chọn để bỏ” - Một số dịch vụ được “chọn” (liệt kê/bảo lưu) để “bỏ” (không phải thực hiện một/một số/tất cả các nguyên tắc nền)

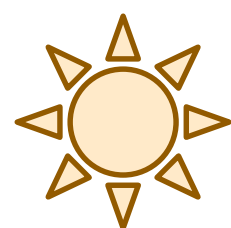
Khả năng 2:

Tất cả dịch vụ còn lại (không được chọn/liệt kê/bảo lưu) – sẽ phải tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc mở cửa cơ bản

Các nguyên tắc/nghĩa vụ mở cửa cơ bản trong CPTPP

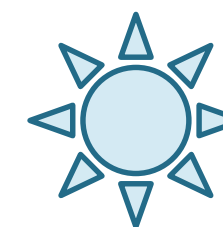
Nguyên tắc mở cửa về Đầu tư	Nguyên tắc mở cửa về Dịch vụ xuyên biên giới
<p><i>Không phân biệt đối xử (NT-MFN)</i> Ngoại lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thủ tục riêng, các yêu cầu báo cáo riêng đối với nhà đầu tư nước ngoài - Không áp dụng MFN với (i) các Hiệp định đã có trước CPTPP, (ii) ASEAN, (iii) Hiệp định hàng hải, thủy sản, hàng không 	<p><i>Không phân biệt đối xử (NT-MFN)</i> Ngoại lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không áp dụng MFN với (i) các Hiệp định đã có trước CPTPP, (ii) ASEAN, (iii) Hiệp định hàng hải, thủy sản, hàng không
<p><i>“Các yêu cầu về hoạt động” (Performance Requirements)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục các biện pháp hạn chế/can thiệp vào hoạt động đầu tư kinh doanh bị cấm - Các ngoại lệ: yêu cầu về sử dụng lao động nội địa, yêu cầu vì lợi ích công cộng 	<p><i>“Tiếp cận thị trường” (Market Access)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Danh mục các biện pháp hạn chế quota bị cấm - Cấm các hạn chế/yêu cầu về hình thức pháp lý
<p><i>“Nhân sự quản lý cấp cao và Ban lãnh đạo”</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấm yêu cầu về quốc tịch của nhân sự cấp cao - Ngoại lệ: yêu cầu về quốc tịch, nơi cư trú của đa số lãnh đạo 	<p><i>Hiện diện tại địa phương (Local presence)</i> <i>Cấm áp đặt các yêu cầu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập VPĐD hoặc hiện diện thương mại tại nước sở tại - Cư trú tại nước sở tại

Các mức cam kết mở cửa dịch vụ



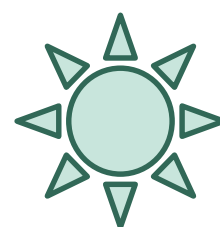
Bảo lưu toàn bộ/phần lớn các nghĩa vụ mở cửa

- Dịch vụ/mảng hoạt động liệt kê?
- Nghĩa vụ bảo lưu liệt kê



Bảo lưu một/một số nghĩa vụ mở cửa


- Dịch vụ liệt kê?
- Nghĩa vụ bảo lưu liệt kê?



Hầu như không có bảo lưu

- “Quét” tất cả các dịch vụ còn lại
- Nghĩa vụ bảo lưu: Tiếp cận thị trường

**Cam kết mở cửa
thị trường Phân phối**

Mức độ cam kết	Dịch vụ cụ thể	Quy tắc mở cửa
<p>Bảo lưu phần lớn các nghĩa vụ về <u>đầu tư</u></p> 	<p>Chợ truyền thống</p> <p>Sàn giao dịch hàng hóa</p>	<p>Việt Nam bảo lưu các quyền sau đây đối với nhà đầu tư dịch vụ CPTPP:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Thực hiện các biện pháp phân biệt đối xử (giữa trong nước và nước ngoài, giữa nước ngoài với nhau); ▪ Yêu cầu hiện diện tại địa phương ▪ Yêu cầu phải sử dụng người quản lý là người Việt Nam hoặc thường trú ở Việt Nam ▪ Đặt ra các yêu cầu về hoạt động (yêu cầu phải thực hiện một số điều kiện để được cấp phép hoặc hưởng ưu đãi)
<p>Bảo lưu một phần (cam kết mở cửa có giới hạn)</p>	<p>Đại lý hoa hồng</p> <p>Bán buôn</p> <p>Bán lẻ</p> <p>Nhượng quyền thương mại</p>	<p>Việt Nam phải mở cửa cho đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới từ CPTPP tối thiểu bằng mức bảo lưu.</p> <p>Cụ thể, Việt Nam có 02 bảo lưu về:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Loại hàng hóa phân phối (bỏ bớt gạo và đường mía/củ cải so với danh mục hàng hóa không cho nước ngoài phân phối theo WTO và EVFTA) • Thủ tục đánh giá nhu cầu kinh tế đối với cơ sở bán lẻ (cao hơn WTO và bằng mức EVFTA)
<p>Không bảo lưu đối với phần lớn các nghĩa vụ/nguyên tắc mở cửa</p>	<p>Tất cả các dịch vụ phân phối còn lại, nếu có</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Về tiếp cận thị trường: Việt Nam có quyền chỉ mở cửa ở mức như cam kết WTO • Về các khía cạnh khác: Việt Nam phải mở cửa thị trường cho các nhà đầu tư CPTPP theo các nguyên tắc chung về đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới

Cam kết mở cửa thị trường Logistics



Cam kết mở cửa thị trường vận tải – hỗ trợ vận tải biển

Mức độ cam kết	Dịch vụ cụ thể	Quy tắc mở cửa
Bảo lưu tất cả các nghĩa vụ về đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới	<ul style="list-style-type: none"> - Vận tải hàng hải ven bờ - Dịch vụ xây dựng, vận hành, quản lý cảng biển 	<p>Việt Nam bảo lưu các quyền sau đây đối với nhà đầu tư dịch vụ CPTPP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các biện pháp phân biệt đối xử (giữa trong nước và nước ngoài, giữa nước ngoài với nhau); - Yêu cầu hiện diện tại địa phương - Yêu cầu phải sử dụng người quản lý là người Việt Nam hoặc thường trú ở Việt Nam - Đặt ra các yêu cầu về hoạt động (yêu cầu phải thực hiện một số điều kiện để được cấp phép hoặc hưởng ưu đãi) <p>Tương tự WTO, EVFTA</p>
Bảo lưu một số nghĩa vụ về <u>đầu tư</u>	Vận tải hành khách, hàng hóa bằng đội tàu treo cờ VN	Lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với phần vốn góp/cổ phần nước ngoài không vượt quá 49% (bằng WTO, thấp hơn mức 70% trong EVFTA)
	Đại lý hàng hải	Lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với phần vốn góp/cổ phần nước ngoài không vượt quá 49% (bằng EVFTA; WTO chưa cam kết mở lĩnh vực này)
Chỉ bảo lưu về <u>tiếp cận thị trường</u>	<p>Cung cấp qua biên giới dịch vụ vận tải bằng tàu cờ VN, đại lý hàng hải</p> <p>Tất cả các dịch vụ khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Về tiếp cận thị trường: Việt Nam được phép chỉ cho nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP tiếp cận thị trường tối đa ở mức như cam kết của Việt Nam trong WTO; - Về các khía cạnh khác: Việt Nam phải ứng xử với nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP theo các nguyên tắc/nghĩa vụ cơ bản về mở cửa đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới của CPTPP.

Cam kết mở cửa thị trường vận tải đường sắt – đường bộ

Mức độ cam kết	Dịch vụ cụ thể	Quy tắc mở cửa
Bảo lưu tất cả các nghĩa vụ về đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới	<ul style="list-style-type: none"> -Các dịch vụ kinh doanh hạ tầng đường sắt -Vận tải hành khách bằng đường sắt -Các dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ nội địa (ngoại trừ các dịch vụ dưới đây) 	<p>Việt Nam bảo lưu các quyền sau đây đối với nhà đầu tư dịch vụ CPTPP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các biện pháp phân biệt đối xử (giữa trong nước và nước ngoài, giữa nước ngoài với nhau); - Yêu cầu hiện diện tại địa phương - Yêu cầu phải sử dụng người quản lý là người Việt Nam hoặc thường trú ở Việt Nam - Đặt ra các yêu cầu về hoạt động (yêu cầu phải thực hiện một số điều kiện để được cấp phép hoặc hưởng ưu đãi) <p>Tương tự WTO, EVFTA</p>
Bảo lưu một số nghĩa vụ về <u>đầu tư</u>	Vận tải hàng hóa bằng đường sắt	Lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với phần vốn góp/cổ phần nước ngoài không vượt quá 49% (bằng WTO, EVFTA)
	Vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ	Lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với phần vốn góp/cổ phần nước ngoài không vượt quá 49% - riêng vận tải hàng hóa có thể lên 51% tùy nhu cầu của VN (bằng WTO, EVFTA)
Chỉ bảo lưu về <u>tiếp cận thị trường</u>	<ul style="list-style-type: none"> -Cung cấp qua biên giới dịch vụ vận tải bằng đường bộ, vận tải hàng hóa bằng đường sắt -Tất cả các dịch vụ đường bộ, đường sắt khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Về tiếp cận thị trường: Việt Nam được phép chỉ cho nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP tiếp cận thị trường tối đa ở mức như cam kết của Việt Nam trong WTO; - Về các khía cạnh khác: Việt Nam phải ứng xử với nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP theo các nguyên tắc/ngĩa vụ cơ bản về mở cửa đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới của CPTPP.

Cam kết mở cửa thị trường vận tải thủy nội địa

Mức độ cam kết	Dịch vụ cụ thể	Quy tắc mở cửa
Bảo lưu tất cả các nghĩa vụ về đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới	<p>Dịch vụ vận tải ven bờ</p> <p>Dịch vụ cho thuê tàu có kèm thủy thủ (CPC 7223)</p> <p>Dịch vụ xây dựng, vận hành, quản lý cảng sông</p>	<p>Việt Nam bảo lưu các quyền sau đây đối với nhà đầu tư dịch vụ CPTPP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các biện pháp phân biệt đối xử (giữa trong nước và nước ngoài, giữa nước ngoài với nhau); - Yêu cầu hiện diện tại địa phương - Yêu cầu phải sử dụng người quản lý là người Việt Nam hoặc thường trú ở Việt Nam - Đặt ra các yêu cầu về hoạt động (yêu cầu phải thực hiện một số điều kiện để được cấp phép hoặc hưởng ưu đãi) <p>Tương tự WTO, EVFTA</p>
Bảo lưu một số nghĩa vụ về <u>đầu tư</u>	Vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường thủy nội địa	Lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với phần vốn góp/cổ phần nước ngoài không vượt quá 49% (bằng WTO, EVFTA)
Chỉ bảo lưu về <u>tiếp cận thị trường</u>	<p>Vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường thủy nội địa cung cấp qua biên giới</p> <p>Vận tải thủy nội địa khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Về tiếp cận thị trường: Việt Nam được phép chỉ cho nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP tiếp cận thị trường tối đa ở mức như cam kết của Việt Nam trong WTO; - Về các khía cạnh khác: Việt Nam phải ứng xử với nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP theo các nguyên tắc/ngĩa vụ cơ bản về mở cửa đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới của CPTPP.

Cam kết mở cửa thị trường hàng không

Mức độ cam kết	Dịch vụ cụ thể	Quy tắc mở cửa
Bảo lưu phần lớn/tất cả các nghĩa vụ về đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ bay đặc biệt (không bao gồm đào tạo bay thương mại) - Dịch vụ mặt đất - Dịch vụ vận hành sân bay - Dịch vụ xây dựng, vận hành và quản lý sân bay 	<p>Việt Nam bảo lưu các quyền sau đây đối với nhà đầu tư dịch vụ CPTPP:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các biện pháp phân biệt đối xử (giữa trong nước và nước ngoài, giữa nước ngoài với nhau); - Yêu cầu hiện diện tại địa phương - Yêu cầu phải sử dụng người quản lý là người Việt Nam hoặc thường trú ở Việt Nam <p>Riêng dịch vụ xây dựng, vận hành, quản lý sân bay thì Việt Nam còn bảo lưu cả quyền đặt ra các yêu cầu về hoạt động</p> <p>Tương tự WTO, EVFTA</p>
Mở cửa hạn chế cho đầu tư	Dịch vụ vận tải hàng không (của hãng hàng không)	<p>Liên doanh hoặc mua cổ phần của một hãng hàng không Việt Nam với điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng vốn góp/cổ phần nắm giữ của phía nước ngoài dưới 30% vốn điều lệ/cổ phần của hãng - Phần vốn/cổ phần lớn nhất của hãng phải thuộc về cá nhân hoặc pháp nhân Việt Nam (không gồm FDI) <p>Mức cao hơn WTO và EVFTA (chưa cam kết gì)</p>
Chỉ bảo lưu về tiếp cận thị trường (cả đầu tư và DVXBG)	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy bay khi máy bay không được khai thác (ngoại trừ hoạt động bảo dưỡng đường băng) - Việc bán và tiếp thị các dịch vụ vận tải hàng không - Các dịch vụ hệ thống đặt giữ chỗ bằng máy tính - Dịch vụ đào tạo bay thương mại 	<ul style="list-style-type: none"> - Về tiếp cận thị trường: Việt Nam được phép chỉ cho nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP tiếp cận thị trường tối đa ở mức như cam kết của Việt Nam trong WTO; - Về các khía cạnh khác: Việt Nam phải ứng xử với nhà đầu tư, cung cấp dịch vụ CPTPP theo các nguyên tắc/ngĩa vụ cơ bản về mở cửa đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới của CPTPP <p>Tương tự WTO, thấp hơn EVFTA</p>
Mở cho đầu tư, bảo lưu toàn bộ DVXBG	Tất cả các dịch vụ hàng không còn lại	<ul style="list-style-type: none"> - Về đầu tư: Chỉ bảo lưu tiếp cận thị trường - Về DVXBG: Bảo lưu toàn bộ

Cam kết mở cửa thị trường dịch vụ hỗ trợ vận tải

Mức độ cam kết	Dịch vụ cụ thể	Quy tắc mở cửa
Bảo lưu một số nghĩa vụ về <u>đầu tư</u>	Dịch vụ xếp dỡ container	Lập liên doanh hoặc mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam với phần vốn góp/cổ phần nước ngoài không vượt quá 50% (bằng WTO, EVFTA)
Chỉ bảo lưu về <u>tiếp cận thị trường</u>	Dịch vụ xếp dỡ container cung cấp qua biên giới	<ul style="list-style-type: none"> - Về tiếp cận thị trường: Việt Nam có quyền áp dụng các biện pháp ở mức như cam kết trong WTO; - Về các khía cạnh khác: Việt Nam phải tuân thủ các nguyên tắc chung về đầu tư và dịch vụ xuyên biên giới tương ứng của CPTPP
	Các dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải khác	
	Các dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa	

Cam kết về thương mại điện tử



Chính sách đối với thương mại điện tử



- ➡ Chính sách về thuế quan đối với giao dịch điện tử:
Không áp thuế xuất khẩu, nhập khẩu (vẫn có quyền áp thuế, phí nội địa)
- ➡ Chính sách về các biện pháp đối với các sản phẩm số:
Không phân biệt đối xử giữa sản phẩm số trong nước, ngoài nước
- ➡ Chính sách về vấn đề chứng thực điện tử và chữ ký số:
Thừa nhận giá trị pháp lý của chứng thực điện tử, chữ ký số
- ➡ Yêu cầu đối với mã nguồn phần mềm:
Không được ép buộc chủ thể nước ngoài phải chuyển giao hoặc cho phép truy cập mã nguồn phần mềm để được cấp phép nhập khẩu, phân phối, bán, sử dụng phần mềm đó

Bảo vệ khỏi các quảng cáo rác
(tin nhắn điện tử thương mại
không mong muốn)

Bảo vệ người tiêu dùng khỏi các
hành vi gian lận lừa đảo: Pháp
luật nội địa phải có quy định

Nhà cung cấp “tin
nhắn rác” phải cho
người nhận khả năng
từ chối việc tiếp tục
nhận tin nhắn rác;

Phải có sự chấp thuận của
người về việc đồng ý nhận
các “tin nhắn rác” (như thế
nào là đồng ý thì theo quy
định pháp luật cụ thể);



Phải quy định việc
giảm thiểu tối đa các
“tin nhắn rác”

Bảo vệ thông tin cá nhân:
Pháp luật nội địa phải có quy
định (có tham khảo hướng
dẫn quốc tế)

Bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử

Bảo đảm môi trường cho thương mại điện tử

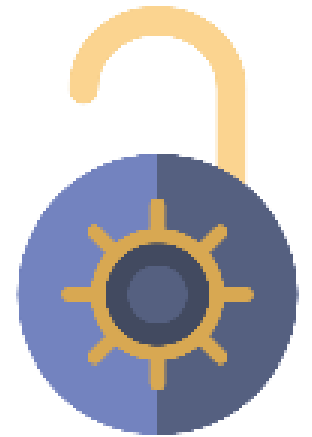
Nhóm cam kết	Nội dung
Về quyền truy cập, sử dụng internet cho thương mại điện tử	<p><u>Công nhận lợi ích</u> của người tiêu dùng từ việc có các quyền sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyền truy cập và sử dụng các dịch vụ và ứng dụng trên Internet theo chọn lựa của người tiêu dùng; - Quyền kết nối các thiết bị của người dùng cuối với Internet theo chọn lựa của người tiêu dùng, miễn là các thiết bị đó không gây tổn hại cho mạng lưới - Truy cập các thông tin về các biện pháp quản trị mạng lưới từ nhà cung cấp kết nối Internet của người tiêu dùng
Về quyền lưu chuyển thông tin qua biên giới bằng phương tiện điện tử	<p>Phải cho phép thông tin được lưu chuyển trên mạng qua biên giới, bao gồm cả thông tin cá nhân, phục vụ cho hoạt động kinh doanh</p> <p>Ngoại lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể đặt ra các yêu cầu quản lý đối với việc lưu chuyển thông tin - Áp dụng các biện pháp bất kỳ vì mục tiêu chính sách công cộng
Về việc đặt hệ thống máy chủ	<p>Không được bắt buộc các nhà đầu tư/cung cấp dịch vụ nước ngoài phải sử dụng hoặc đặt hệ thống máy chủ trên lãnh thổ Việt Nam</p> <p>Ngoại lệ: Có thể áp đặt điều kiện trên nếu vì mục đích công cộng và không phân biệt đối xử, không hạn chế cao hơn mức cần thiết</p>

Tác động của CPTPP tới ngành phân phối – thương mại điện tử - logistics



Tác động trực tiếp từ CPTPP

Tác động mở cửa thị trường:
Không đáng kể



Tác động chính sách:

- Thay đổi không đáng kể
- Ổn định và có thể dự đoán trước



Từ môi trường thuận lợi

Thị trường sôi động, thu hút đầu tư xuất phát từ:

- Môi trường kinh doanh được hoàn thiện thực thi cam kết quy tắc trong CPTPP
- Thị trường hấp dẫn từ CPTPP

Tác động gián tiếp từ CPTPP

Từ các cam kết khác

- Cam kết về loại bỏ thuế quan và hàng rào phi thuế quan sẽ tạo điều kiện gia tăng nguồn cung hàng hóa cho phân phối – thương mại điện tử; tăng cầu cho dịch vụ logistics
- Cam kết về hải quan – tạo thuận lợi thương mại, các biện pháp phi thuế: Cơ hội giảm chi phí kinh doanh
- Cam kết về mở cửa thị trường các dịch vụ phục vụ sản xuất (tài chính, viễn thông...): Cơ hội giảm chi phí kinh doanh



Nguy cơ nào đáng kể từ CPTPP đối với các ngành này?





XIN CẢM ƠN!

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ADDRESS

9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

PHONE NUMBER

024 3577 1458

EMAIL ADDRESS

banthuky@trungtamwto.vn

WEBSITE

trungtamwto.vn / wtocenter.vn